

YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU

Yêu cầu về kỹ thuật

1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Tên dự toán: *Hoá chất xét nghiệm bệnh viện đa khoa.*
- Tên gói thầu: *Hoá chất xét nghiệm bệnh viện đa khoa.*
- Tên bên mời thầu: Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
- Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng (theo yêu cầu cung cấp theo tiến độ của chủ đầu tư)
- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện đa khoa Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long.

2 Yêu cầu về kỹ thuật

2.1 Yêu cầu về kỹ thuật chung

a. Phạm vi công việc

Phạm vi công việc của nhà thầu chào hàng bao gồm (nhưng không hạn chế) các nội dung sau:

- Cung cấp, vận chuyển hàng hóa theo chủng loại, số lượng, đợt giao hàng theo hợp đồng tới địa điểm cung cấp theo đúng vị trí và yêu cầu của Bên mời thầu;
- Bảo quản, nghiệm thu, bàn giao hàng hóa;
- Bàn giao hàng hóa phải thỏa mãn các yêu cầu của E-HSMT. Chịu mọi chi phí nghiệm thu và vận chuyển hàng hóa; bốc xếp;
- Chi phí kiểm tra, nghiệm thu, bàn giao
- Bảo hành hàng hóa theo hợp đồng;
- Các loại thuế, phí (nếu có) do nhà thầu chịu

b. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa

- Nhà thầu tham gia dự thầu phải chào đúng và đủ chủng loại, khối lượng hàng hóa nêu tại Bảng Phạm vi cung cấp hàng hóa (webform trên Hệ thống) của E-HSMT;
- Yêu cầu về tài liệu kỹ thuật trong E-HSMT: Nhà thầu phải cung cấp hồ sơ giấy tờ về nguồn gốc xuất xứ, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan; Chứng nhận, tài liệu cần thiết đối với hàng hóa theo E-HSMT và dịch vụ cung cấp (nếu có)
- Nhà thầu phải cung cấp các chứng nhận, tài liệu cần thiết đối với hàng hóa theo E-HSMT và dịch vụ cung cấp (nếu có);

c. Nghiệm thu bàn giao

- Công việc chỉ được coi là hoàn thành khi hai bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.
- Mọi thủ tục nghiệm thu bàn giao được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật. Nhà thầu có quyền đưa vào trong đề xuất tài chính toàn bộ các chi phí cần thiết để đảm bảo cho mình nhận được chứng nhận hoàn thành công việc...

2.2 Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

a. **Tiêu chuẩn kỹ thuật của hàng hóa:** Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây:

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Glucose	Thành Phần: R1: Phosphate buffer 250 mmol/l; Glucose oxidase > 25 U/ml; Peroxidase > 2 U/ml; Phenol 5 mmol/l; 4-aminoantipyrine 0.5 mmol/ Đóng gói: 10x44ml	Máy xét nghiệm sinh hóa Teco
2	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Cholesterol	Thành Phần: R1: Good's Buffer 50 mmol/l; Phenol 5 mmol/l; 4-aminoantipyrine 0.3 mmol/l; Cholesterol esterase \geq 200 U/l; Cholesterol oxidase \geq 50 U/l; Peroxidase \geq 3 kU/l Đóng gói: 10x44ml	Máy xét nghiệm sinh hóa Teco
3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Triglycerides	Thành Phần: R1: Good's buffer (pH 7.2) 50 mmol/l; 4-Chlorophenol 4 mmol/l; Mg 2+ 15 mmol/l; ATP 2 mmol/l; Glycerolkinase \geq 0.4 KU/l; Peroxidase \geq 2.0 KU/l; Lipoproteinlipase \geq 2.0 KU/l; Glycerol-3-phosphate-Oxidase \geq 0.5 KU/l; 4-Aminoantipyrine 0.5 mmol/l Đóng gói: 10x 44ml	Máy xét nghiệm sinh hóa Teco
4	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL-C	Thành phần: R1: MES buffer (pH 6.5) 6.5 mmol/l; TODB N, N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methylaniline) 3 mmol/l; Polyvinyl sulfonic acid 50 mg/l; Polyethylene-glycol-methyl ester 30 ml/l; MgCl ₂ 2 mmol/l R2: MES buffer (pH 6.5) 50 mmol/l; Cholesterol esterase 5 kU/l; Cholesterol oxidase 20 kU/l; Peroxidase 5 kU/l; 4-aminoantipyrine 0.9 g/l Đóng gói: R1: 4x30 ml; R2: 4x10 ml	Máy xét nghiệm sinh hóa Teco
5	Thuốc thử xét nghiệm định lượng LDL C	Thành Phần: R1: MES buffer (pH 6.5) 50 mmol/l; Polyvinylsulfonic acid 50 mg/l; Polyethyleneglycolmethylester 30 ml/l; 4-aminoantipyrine 0.9 g/l; Cholesterol esterase 5 kU/l; Cholesterol oxidase 20 kU/l; Peroxidase 5 kU/l R2: MES buffer (pH 6.5) 50 mmol/l; TODB N,N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methylaniline 3 mmol/l	Máy xét nghiệm sinh hóa Teco

		Đóng gói: R1: 2x30 ml; R2: 2x10 ml	
6	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ALT /GPT	Thành Phần: R1: Tris buffer (pH 7.5) 137.5 mmol/l; L-Alanine 709 mmol/l; LDH (microbial) \geq 2000 U/l; R2: CAPSO 20 mmol/l; 2-oxoglutarate 85 mmol/l; NADH 1.05 mmol/l Đóng gói: R1: 6x44 ml; R2: 6x11 ml	Máy xét nghiệm sinh hóa Teco
7	AST/GOT 330 (6x44 ml +6x11 ml)	Thành Phần R1: Tris buffer (pH 7.8) 110 mmol/l; L-aspartic acid 340 mmol/l; LDH \geq 4000 U/l; MDH \geq 750 U/l; R2: CAPSO 20 mmol/l; 2-oxoglutarate 85 mmol/l; NADH 1.05 mmol/l Đóng gói: R1: 6x44 ml; R2: 6x11 ml	Máy xét nghiệm sinh hóa Teco
8	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GGT	Thành Phần: R1: Tris buffer (pH 8.25) 125 mmol/l; Glycyl Glycine 125 mmol/l R2: L- γ -Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 20 mmol/l Đóng gói: R1: 2x44ml; R2: 2x11 ml	Máy xét nghiệm sinh hóa Teco
9	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinine	Thành Phần: R1: Sodium Hydroxide 240 mmol/l R2: Picric Acid 26 mmol/l Đóng gói: R1: 5x44 ml; R2: 5x11 ml	Máy xét nghiệm sinh hóa Teco
10	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Acid Uric	Thành Phần: R1: Pipes Buffer (pH 7.0) 50 mmol/l; 4-Aminoantipyrine 0.375 mmol/l; Uricase \geq 200 U/l R2: Pipes Buffer (pH 7.0) 50 mmol/l; TOOS 1.92 mmol/l; Peroxidase \geq 5000 U/l Đóng gói: R1: 5x44 ml; R2: 5x11 ml	Máy xét nghiệm sinh hóa Teco
11	Thuốc thử xét nghiệm định lượng UREA	Thành Phần: R1: Tris Buffer 100 mmol/l; α -Ketoglutarate 5.49 mmol/l; Urease (Jack Bean) \geq 10 KU/l; GLDH (Microorganism) \geq 3.8 KU/l R2: NADH 1.66 mmol/l Đóng gói: R1: 5x44 ml; R2: 5x11 ml	Máy xét nghiệm sinh hóa Teco
12	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Bilirubin trực	Thành phần: R1: Sulphanilic Acid 28.87 mmol/l; HCl 23 mmol/l R2: Sodium Nitrite 2.9 mmol/l"	Máy xét nghiệm sinh hóa Teco

	tiếp	Đóng gói: R1: 6x44ml , R2: 3x22ml	
13	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Bilirubin Bilirubin toàn phần	R1: Sulphanilic Acid 28.87 mmol/l; HCl 58.8 mmol/l; Cetrinide 68.6 mmol/l R2: Sodium Nitrite 2.90 mmol/l Đóng gói: R1: 6x44ml , R2: 3x22ml	Máy xét nghiệm sinh hóa Teco
14	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Amylase	Thành Phần: MES buffer 50 mmol/l; Calcium Chloride 3.81 mmol/l; Sodium Chloride 300 mmol/l; Potassium Thiocyanate 450 mmol/l; Sodium Azide 13.85 mmol/l; CNPG 0.91 mmol/l Đóng gói: 5x22ml	Máy xét nghiệm sinh hóa Teco
15	Chất chuẩn cho các xét nghiệm thường quy XL MULTICAL	Chất chuẩn cho các xét nghiệm thường quy Đóng gói: 4x3ml	Máy xét nghiệm sinh hóa Teco
16	Chất kiểm chuẩn mức bình thường ERBA NORM	Chất kiểm chuẩn mức bình thường Đóng gói: 4x5ml	Máy xét nghiệm sinh hóa Teco
17	Chất kiểm chuẩn mức bệnh lý ERBA PATH	Chất kiểm chuẩn mức bệnh lý Đóng gói: 4x5ml	Máy xét nghiệm sinh hóa Teco
18	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1c	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1c Thành phần: 1. Hóa chất: CM sepharose fast flow (Resin), Aminophenylboronic acid, HEPES buffer. 2. Dung dịch rửa: HEPES buffer Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Sử dụng tương thích với máy Green Care A1c Model: RT-100 Đóng gói: 10 test/hộp	Máy xét nghiệm Green Cross
19	Ống nghiệm EDTA K2	* Ống nghiệm nhựa PP độ pH trung tính, kích thước 13x75mm, dung tích 6ml, nắp cao su bọc nhựa LDPE, có vạch lấy mẫu riêng biệt 2ml trên nhãn ống.	

		<p>* Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetraacetic Acid (EDTA) K2.</p> <p>* Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng).</p> <p>* Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, 2 CFS Châu Âu.</p>	
20	Ống nghiệm Chimigly	<p>* Ống nghiệm nhựa PP độ pH trung tính, kích thước 13x75mm, dung tích tối đa 6ml, nắp nhựa LDPE màu xám, có vạch lấy mẫu riêng biệt 2ml trên nhãn ống.</p> <p>* Hóa chất bên trong là chất kháng đông Sodium Flouride và EDTA K2.</p> <p>* Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng).</p> <p>* Dùng xét nghiệm đường (duy trì đường huyết không thay đổi trong vòng 36- 48h sau khi lấy máu) và các xét nghiệm sinh hóa (trừ Na⁺)</p> <p>* Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE, 2 CFS Châu Âu</p>	
21	Ống nghiệm Heparin	<p>* Ống nghiệm nhựa PP độ pH trung tính, kích thước 13x75mm, dung tích tối đa 6ml, nắp nhựa LDPE màu đen, có vạch lấy mẫu riêng biệt 2ml trên nhãn ống</p> <p>* Bên trong là chất kháng đông Heparin Lithium, phân tích hóa chất Heparin Lithium bằng phương pháp HPLC - DAD - MS (Có phiếu kiểm nghiệm đơn vị kiểm chứng)</p> <p>* Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng).</p> <p>* Dùng xét nghiệm Ion đồ Na⁺, K⁺, Ca²⁺, Cl⁻... trừ Li⁺. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH₃ và định lượng Alcohol trong máu.</p> <p>* Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 do TQC cấp, CE, 2 CFS Châu Âu.</p>	
22	Ống Ly Tâm EPPENDORF - nắp Bật 1,5ml	<ul style="list-style-type: none"> • Được làm từ nhựa trong suốt, có nắp an toàn để tránh tình trạng xuất hiện khe hở, với các nút gờ thể hiện dung tích được làm mờ. • Nó có thể được sử dụng trong các máy ly tâm lên đến 17.000 rpm max. • Với thiết kế bề mặt nắp phẳng, dễ dàng việc thực 	

		<p>hiện mở đóng nắp.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thể tích: 1.5ml. • Đóng gói: 500 cái/gói 	
23	Ống nghiệm Serum hạt to	<p>* Ống nghiệm nhựa PP độ pH trung tính, kích thước 13 x75mm, dung tích 6ml, nắp nhựa LDPE màu đỏ, có chia các vạch lấy mẫu trên nhãn ống.</p> <p>* Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng).</p> <p>* Đóng gói 100 ống/ mous, 2.400 ống/ thùng</p> <p>* Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, 2 CFS Châu Âu</p>	
24	Anti A	<p>- Xét nghiệm được dùng để phát hiện các kháng nguyên của hệ nhóm máu ABO bằng phương pháp ngưng kết các tế bào hồng cầu người và phát hiện typ Rho (D).</p> <p>- Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-A 500100 (1,0ml).</p> <p>- Đóng gói: 10ml/lọ</p>	
25	Anti B	<p>- Xét nghiệm được dùng để phát hiện các kháng nguyên của hệ nhóm máu ABO bằng phương pháp ngưng kết các tế bào hồng cầu người và phát hiện typ Rho (D).</p> <p>- Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-B B-2D7 (1,0ml)</p> <p>- Đóng gói: 10ml/lọ</p>	
26	Anti AB	<p>- Xét nghiệm được dùng để phát hiện các kháng nguyên của hệ nhóm máu ABO bằng phương pháp ngưng kết các tế bào hồng cầu người và phát hiện typ Rho (D).</p> <p>- Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-A A- 5E10;</p> <p>Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-B B-2D7 (1,0ml).</p> <p>- Đóng gói: 10ml/lọ</p>	
27	Anti D	<p>- Xét nghiệm được dùng để phát hiện các kháng nguyên của hệ nhóm máu ABO bằng phương pháp ngưng kết các tế bào hồng cầu người và phát hiện typ Rho (D).</p> <p>- Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-D BS225 (1,0ml).</p>	

		- Đóng gói: 10ml/lọ	
28	Lọ nhựa đựng mẫu	<ul style="list-style-type: none"> * Lọ nhựa trong suốt, nắp vặn xoắn khít với thân để đảm bảo độ kín, tránh rò rỉ * Kích thước: đường kính 36mm, chiều cao 60mm, dung tích tối đa 55ml. * Thân lọ nhựa PS, độ trơn láng cao chống sự bám dính mẫu, độ pH trung tính. * Nắp lọ nhựa LDPE màu đỏ, có nhãn * Đạt độ vô khuẩn (Có phiếu kiểm nghiệm của đơn vị kiểm chứng) * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE, 2 CFS Châu Âu 	
29	Que thử nước tiểu 10 thông số	<p>Các chỉ số đo: Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, glucose, Urobilinogen, Leukocyte, SG.</p> <p>- Dải đo của các chỉ số:</p> <p>Protein: 15-30mg/dL albumin</p> <p>Blood: 0.015-0.062mg/dL hemoglobin</p> <p>Leukocyte: 5-15</p> <p>Nitrite: 0.06-0.1mg/dL nitrite ion</p> <p>Glucose: 75-125mg/dL</p> <p>Ketone: 5-10mg/dL acetoacetic acid</p> <p>pH: 5- 9</p> <p>SG: 1.000-1.030</p> <p>Bilirubin: 0.4-0.8mg/dL</p> <p>Urobilinogen: 0.2EU/dL</p> <p>- Trên thanh thử có miếng dán (ID band) có tác dụng kích hoạt kiểm tra tự động.</p> <p>- Đóng gói 100 test/ hộp"</p>	Máy xét nghiệm nước tiểu Siemens
30	Fluorocell WDF	<p>Công dụng: được sử dụng để đánh dấu các bạch cầu trong các mẫu máu đã được pha loãng và ly giải nhằm phân loại các thành phần bạch cầu bằng máy xét nghiệm huyết học tự động.</p> <p>Bảo quản: 2 - 35 độ C</p> <p>Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày</p> <p>Thành phần dung dịch chỉ bao gồm: Polymethine 0.002%; methanol 3.0%; Ethylene Glycol 96.9%</p> <p>Đóng gói: 42ml x 2</p>	Máy huyết học Sysmex

31	Sulfolycer	<p>Thuốc thử trong suốt, không có azide và cyanide, độc tố thấp. Có thể đo các dẫn xuất hemoglobin như deoxyhemoglobin, oxyhemoglobin, carboxyhemoglobin và methemoglobin.</p> <p>Công dụng: sử dụng để đo nồng độ hemoglobin trong máu</p> <p>Bảo quản: 1 - 30 độ C</p> <p>Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày</p> <p>Thành phần dung dịch chỉ bao gồm: Sodium lauryl sulfate 1.7 g/L</p> <p>Đóng gói: 500ml x 3</p>	
32	Lyser cell WDF	<p>Công dụng: Dung dịch ly giải cho máy xét nghiệm huyết học tự động. Sử dụng kết hợp với Fluorocell WDF để nhuộm tế bào có nhân trong mẫu giúp phân loại bạch cầu</p> <p>Bảo quản: 2 - 35 độ C</p> <p>Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày</p> <p>Thành phần dung dịch chỉ bao gồm: Organic quaternary ammonium salts 0.07%; Nonionic surfactant 0.17%</p> <p>Đóng gói: 5Lx1</p>	Máy huyết học Sysmex
33	Cellpack DCL	<p>Công dụng: dùng để đo lường số lượng và kích thước của hồng cầu và tiểu cầu bằng phương pháp tập trung dòng chảy thủy động học. Khi bổ sung thuốc thử ly giải được chỉ định để xác định nồng độ hemoglobin, thuốc thử cũng có thể được sử dụng để phân tích nồng độ hemoglobin. Ngoài ra, còn thể được dùng làm dòng dung dịch bao bên ngoài (sheath fluid) cho buồng đo FCM.</p> <p>Bảo quản: 2 - 35 độ C</p> <p>Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày</p> <p>Thành phần dung dịch chỉ bao gồm: Sodium chloride 0.7%; Tris buffer 0.2%; EDTA-2K 0.02%</p> <p>Đóng gói: 20Lx1</p>	Máy huyết học Sysmex
34	Cellclean Auto	<p>Công dụng: một chất tẩy rửa có tính kiềm mạnh để loại bỏ các thuốc thử ly giải, dư lượng tế bào và các protein trong máu còn lại trong hệ thống thủy lực của máy xét nghiệm huyết học tự động, máy chuẩn bị lam huyết học tự động.</p> <p>Sử dụng cho quá trình auto shutdown</p> <p>Bảo quản: 1 - 30 độ C, nơi tối, tránh ánh sáng mặt trời</p>	Máy huyết học Sysmex

		<p>trực tiếp</p> <p>Thành phần: Sodium Hypochloride (nồng độ clo 5.0%)</p> <p>Đóng gói: 4mlx20</p>	
35	Cellpack	<p>Công dụng: Dung dịch dùng để pha loãng sử dụng cho máy huyết học</p> <p>Bảo quản: ở 1 - 30 độ C</p> <p>Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày</p> <p>Thành phần: Sodium Chlorride 6.38 g/l, Boric Acid 1.0 g/l, Sodium Tetraborate 0.2 g/l, EDTA-2K 0.2 g/l</p> <p>Đóng gói: 20Lx1</p>	Máy huyết học Sysmex
36	Stromatolyser WH	<p>Công dụng: là một thuốc thử ly giải hồng cầu, được sử dụng để xác định chính xác số lượng bạch cầu, phân tích sự phân bố theo kích thước của 3 thành phần bạch cầu và đo hàm lượng hemoglobin.</p> <p>Bảo quản: 2 - 35 độ C</p> <p>Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày</p> <p>Thành phần: Organic quaternary ammonium salt 8.5g/L và sodium chloride 0.6g/L</p> <p>Đóng gói: 500mlx3</p>	Máy huyết học Sysmex
37	Cellclean	<p>Công dụng: được sử dụng như một chất tẩy rửa có tính kiềm mạnh để loại bỏ các thuốc thử ly giải, dư lượng tế bào và các protein trong máu còn lại trong hệ thống thủy lực của máy xét nghiệm huyết học tự động.</p> <p>Bảo quản ở 1 - 30 độ C, nơi tối, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp</p> <p>Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày</p> <p>Thành phần: Sodium hypochlorite 5%</p> <p>Đóng gói: 50mlx1</p>	Máy huyết học Sysmex
38	XN Cheek L1	<ul style="list-style-type: none"> - Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học với bảng giá trị ≥ 49 thông số báo cáo - Công dụng: sử dụng như vật liệu kiểm soát cho xét nghiệm công thức máu toàn phần (CBC) , tách phân các thành phần bạch cầu, và hồng cầu lưới (RET) và hồng cầu nhân (NRBC) - Bảo quản: từ 2 - 8 độ C - Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 7 ngày ở 2 - 8 độ C - Thành phần: bao gồm tế bào RBC và WBC ở người, 	Máy huyết học Sysmex

		<p>PLT, NRBC được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản</p> <p>Đóng gói: 3ml</p>	
39	XN Check L2	<p>- Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học với bảng giá trị ≥ 49 thông số báo cáo</p> <p>- Công dụng: sử dụng như vật liệu kiểm soát cho xét nghiệm công thức máu toàn phần (CBC) , tách phân các thành phần bạch cầu, và hồng cầu lưới (RET) và hồng cầu nhân (NRBC)</p> <p>- Bảo quản: từ 2 - 8 độ C</p> <p>- Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 7 ngày ở 2 - 8 độ C</p> <p>- Thành phần: bao gồm tế bào RBC và WBC ở người, PLT, NRBC được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản</p> <p>Đóng gói: 3ml</p>	Máy huyết học Sysmex
40	XN Check L3	<p>- Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học với bảng giá trị ≥ 49 thông số báo cáo</p> <p>- Công dụng: sử dụng như vật liệu kiểm soát cho xét nghiệm công thức máu toàn phần (CBC) , tách phân các thành phần bạch cầu, và hồng cầu lưới (RET) và hồng cầu nhân (NRBC)</p> <p>- Bảo quản: từ 2 - 8 độ C</p> <p>- Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 7 ngày ở 2 - 8 độ C</p> <p>- Thành phần: bao gồm tế bào RBC và WBC ở người, PLT, NRBC được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản</p> <p>Đóng gói: 3ml</p>	Máy huyết học Sysmex
41	Eightcheck-3WP-H	<p>Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học với bảng giá trị ≥ 22 thông số báo cáo</p> <p>Công dụng: vật liệu kiểm soát huyết học chủ yếu dùng trong kiểm soát chất lượng nội bộ phòng xét nghiệm trên các thành phần máu bằng những phương pháp tự động, bán tự động hoặc thủ công</p> <p>Bảo quản: từ 2 - 8 độ C</p> <p>Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 7 ngày</p> <p>Thành phần: tế bào hồng cầu ở người được làm ổn định, bạch cầu cố định từ động vật có vú và thành</p>	Máy huyết học Sysmex

		<p>phần tiểu cầu trong chất bảo quản.</p> <p>Đóng gói: 1.5ml</p>	
42	Eightcheck-3WP-L	<p>Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học với bảng giá trị ≥ 22 thông số báo cáo</p> <p>Công dụng: vật liệu kiểm soát huyết học chủ yếu dùng trong kiểm soát chất lượng nội bộ phòng xét nghiệm trên các thành phần máu bằng những phương pháp tự động, bán tự động hoặc thủ công</p> <p>Bảo quản: từ 2 - 8 độ C</p> <p>Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 7 ngày</p> <p>Thành phần: tế bào hồng cầu ở người được làm ổn định, bạch cầu cố định từ động vật có vú và thành phần tiểu cầu trong chất bảo quản.</p> <p>Đóng gói: 1.5ml</p>	Máy huyết học Sysmex
43	Eightcheck-3WP-N	<p>Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học với bảng giá trị ≥ 22 thông số báo cáo</p> <p>Công dụng: vật liệu kiểm soát huyết học chủ yếu dùng trong kiểm soát chất lượng nội bộ phòng xét nghiệm trên các thành phần máu bằng những phương pháp tự động, bán tự động hoặc thủ công</p> <p>Bảo quản: từ 2 - 8 độ C</p> <p>Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 7 ngày</p> <p>Thành phần: tế bào hồng cầu ở người được làm ổn định, bạch cầu cố định từ động vật có vú và thành phần tiểu cầu trong chất bảo quản.</p> <p>Đóng gói: 1.5ml</p>	Máy huyết học Sysmex
44	<p>THẺ THU MẪU ĐỂ LÀM XÉT NGHIỆM H.PYLORI (THẺ LẤY MẪU HỒI THỞ)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ thẻ nhựa dùng 1 lần được đóng gói nilong - Nhiệt độ bảo quản: <30 độ - Trọng lượng: 13-14g - Kích thước: 115mm x 61mm x 45 x 10mm - Trên thẻ có chỉ thị màu (dùng để đánh giá lượng mẫu) - Hộp: 40 cái 	
45	HCV	<p>Phát hiện sự có mặt của kháng thể kháng virus viêm gan C trong huyết tương hoặc huyết thanh của người nhằm mục đích hỗ trợ sàng lọc và chẩn đoán lây nhiễm viêm gan C</p>	

		Đóng gói: 25 test/hộp	
46	Dengue NS1	- Xét nghiệm sắc ký miễn dịch, theo nguyên lý dòng chảy một chiều, định tính phát hiện kháng nguyên Dengue NS1 (DEN1,2,3,4) trong máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương người. - Độ nhạy tương quan: 100% - Độ đặc hiệu tương quan: 99.6% - Độ chính xác tương quan: 99.7% (so sánh theo phương pháp ELISA) - Đọc kết quả trong vòng 20-25 phút	
47	Giemsa	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Giemsa	
48	Dầu soi	Dùng để tăng độ phân giải hình ảnh trong soi kính hiển vi	

Lấy mẫu và kiểm nghiệm hàng hóa theo yêu cầu của bên A

b. Xuất xứ: Ghi rõ xuất xứ hàng hóa.

c. Tiến độ cung cấp hàng hóa: 12 tháng (cung cấp theo tiến độ yêu cầu của chủ đầu tư, trong vòng 02 ngày khi có thông báo của chủ đầu tư).

d. Địa điểm giao hàng: Giao hàng tại kho các nông trường trực thuộc của Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long.

Mục 2. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: theo yêu cầu của bên A. Bên B có trách nhiệm cử cán bộ kỹ thuật hỗ trợ lắp đặt và hiệu chỉnh.